TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST Ngày: 26/02/2021 V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thêm

2. Bà Trần Thị Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 246/2020/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giang H; Sinh năm 1991;

- Bị đơn: Anh Nguyễn T; Sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Tất cả đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Giang H trình bày:

Chị và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam vào ngày 26/4/2012 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày

26/4/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh T tại xã Q nhưng thường xuyên xảy mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ham vui chơi, không lo làm ăn, có hành vi xúc phạm, đánh đập chị. Đến năm 2014, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn nên chị đã bồng con về nhà cha mẹ ruột tại xã A sinh sống. Anh T cũng chuyển đến đây sinh sống cùng chị và con. Tuy nhiên đến cuối năm 2019, anh T bỏ đi, hai vợ chồng từ đó sống ly thân. Nay chị H nhận thấy không còn tình cảm, quan tâm đến anh T nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Vợ chồng anh chị có một con chung tên là Nguyễn V; Sinh ngày 20/10/2012. Hiện tại cháu V đang sinh sống cùng chị nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V đến tuổi trưởng thành. Chị H không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, anh chị không nợ ai, không ai nợ anh chị.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – anh Nguyễn T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh tại xã Q. Đến năm 2014, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị H bồng con bỏ về nhà mẹ ruột của chị tại xã A sinh sống. Anh T cũng chuyển đến sinh sống tại đây đến năm 2019. Cuối năm 2019, anh chị xảy ra mâu thuẫn nên anh bỏ về nhà cha mẹ mình tại xã Q. Hai anh chị sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Tuy nhiên, anh T cũng thường xuyên đến thăm vợ, con. Nay theo yêu cầu ly hôn của chị H anh không đồng ý, anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Anh T thừa nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn V, sinh ngày 20/10/2012. Hiện chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V. Đầu năm 2020 đến khoảng tháng 5/2020 do tình hình dịch bệnh nên anh bị thất nghiệp, không có tiền để chu cấp cùng chị H nuôi con nhưng những thời gian khác anh vẫn chu cấp. Đến nay anh T đang nộp đơn để xin việc làm. Do đó, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn:

+ Về chấp hành pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Đối với anh T chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T; Về con chung: Giao cháu V cho chị H nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Giang H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với anh Nguyễn T. Anh Nguyễn T có nơi cư trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn T đi làm ở Đà Nẵng, thỉnh thoảng có về địa phương nhưng không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không thể tiến hành giao các văn bản tố tụng, ghi lời khai và tiến hành hòa giải được nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh T có mặt và trình bày ý kiến của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giang H và anh Nguyễn T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 26/4/2012. Hôn nhân của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối được nên được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống chung tại nhà cha mẹ anh T tại xã Q được thời gian thì phát sinh mâu thuẩn. Đến năm 2014, chị H đã bỏ về nhà cha mẹ chị tại xã A sinh sống. Anh T cũng chuyển đến sinh sống cùng. Tuy nhiên đến năm 2019 anh chị lại phát sinh mâu thuẩn nên anh T bỏ về nhà cha mẹ anh. Từ đó anh chị sống ly thân đến nay. Theo hồ sơ lưu giữ tại Tòa án cho thấy chị H đã hai lần gửi đơn yêu cầu ly hôn nhưng được hòa giải đoàn tụ. Đến nay chị H lại gửi đơn yêu cầu ly hôn. Điều đó cho thấy trong cuộc sống hôn nhân, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẩn. Theo trình bày chị H được anh T thừa nhận, nguyên nhân mâu thuẩn xuất phát từ việc anh T ham chơi, không chăm lo cho gia đình. Hiện nay, chị H không còn tình cảm với anh T nữa. Từ những lý do trên cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị H, anh T có một con chung tên là Nguyễn V, sinh ngày 20/10/2012. Từ tháng 11 năm 2019 đến nay, anh T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét về nguyên nhân ly hôn xuất phát từ anh T. Trong thời gian hai vợ chồng ly thân, anh T thiếu trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc, chu cấp cùng chị H nuôi dưỡng cháu V. Hiện nay, cháu V đang có cuộc sống ổn định cùng chị H. Cháu V cũng có nguyện vọng được ở với chị H. Do đó, việc giao cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị Giang H được Tòa án chấp nhận nên chị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 59; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giang H đối với anh Nguyễn T về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[1] Về hôn nhân: Cho chị Giang H được ly hôn anh Nguyễn T.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn V; Sinh ngày 20/10/2012 cho chị Giang H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

[4] Về án phí: Chị Giang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001705 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Chị H đã nộp đủ án phí.

[5] Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/02/2021).

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Q (Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 26/4/2012)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Liêm